TOTO | SPECIFICATIONS
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

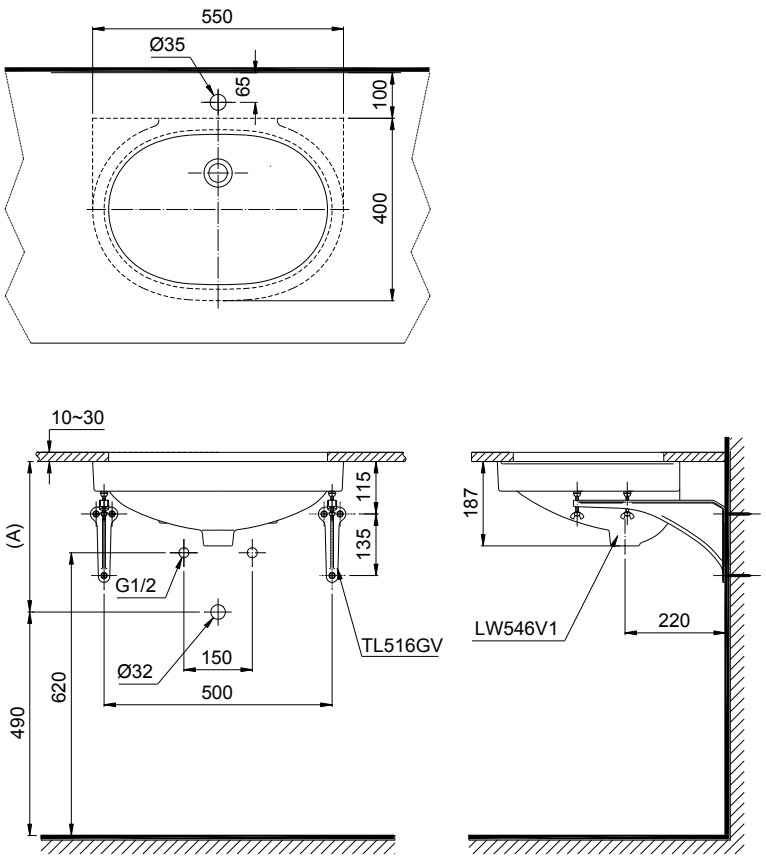
LT546

Under Counter Lavatory
Chậu âm bàn



TOTO GREEN CHALLENGE

LT546



Features
Đặc điểm

- *Rear overflow*
  Thiết kế với lỗ thoát tràn

Specifications
Tiêu chuẩn kỹ thuật

Faucet hole: *Lỗ bắt vòi:*	*At the marble* *Trên bàn*
Faucet hole diameter: *Đường kính lỗ bắt vòi*	*Ø35 (mm)*
Overflow hole: *Lỗ xả tràn:*	*Yes* *Có*
Product dimension: *Kích thước sản phẩm*	*L400 x W550 x H187 (mm)*
Material: *Vật liệu:*	*Vitreous china* *Sứ vệ sinh*

Parts description
Danh mục phụ kiện

- **Lavatory/ Thân chậu** **L546**
  - Lavatory body/ Thân sứ LW546V1
  - Bracket/ Giá đỡ * TL516GV

** The part is not packed into the lavatory box.*
Phụ kiện không đóng gói cùng thân chậu

Colors
Màu sắc

White/ Trắng

Optional/ Tùy chọn

Faucets/ Vòi chậu	*Trap* *Ống thải*	(A)
TS222A, TS240A, TS205A, TS260A, TS561A, DL345A	TVLF401	280~295
DGL301, DGL301R, DL354, DL342, TTLR302F-1R, TTLR301F-1R.	TVLF401	300~315
TVLM102NS	TVLF401	320~335
TX115LFBR, TX108LHBR, TX108LDN, TX115LESBR, TX115LELBR, TTLR302F-1N, TTLR301F-1N, TX115LU, TTLR303F-1, TVLM108RU, TTLC301F-1, TVLM105CR.	TVLF402 THX1A-8V2	330~345
TLG01301V, TLG02301V, TLG03301V, TLG04301V, TLS01301V, TLS02301V.	TVLF401	285~300
TLG07301V, TLG08301V, TLG09301V, TLG10301V, TLG11301V.	TVLF401	330~345
TEN40AV800,TEN12AV800, TEXN10AV300, TEXN20ALV300, TEN22AWR, TX109LD, TS105B13, TS100N, TS135, TVLC101NS, DLE117AV800, TTLA101/TTLE101E2L, TTLA101/TTLE101B2L, TTLA102/TTLE101E2L, TTLA102/TTLE101B2L.	TVLF405 TX709AV1N	275~290
TEN51AW, TEN41AW	T7PW1	330~345
TLE20006A, TLE21006A, TLE22006A, TLE24006A, TLE25006A, TLE26006A, TLE27002A, TLE28002A, TLE29002A.	TVLF405	275~290

***Notice**: Ensure that A dimension is extract when setting trap.*
Chú ý: Để lắp đặt ống thải phải đảm bảo kích thước (A).

0IM000803/00

All rights reserved by TOTO company. Specifications and sizes are subject to change without notice.
Bản quyền thuộc công ty TOTO. Thông số kỹ thuật và kích thước có thể được thay đổi mà không báo trước.